



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết  
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số** 0200344752 ngày 5 tháng 3 năm 1999

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0200344752 ngày 4 tháng 3 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Hữu Quý Lâm	Chủ tịch
Ông Bùi Quốc Hưng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên
	<i>(từ ngày 10 tháng 4 năm 2015)</i>
Ông Lâm Hồng Thanh	Thành viên
	<i>(đến ngày 9 tháng 4 năm 2015)</i>

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Đặng Quốc Việt	Trưởng ban
	<i>(từ ngày 13 tháng 8 năm 2015)</i>
Ông Nguyễn Thành Chánh	Trưởng ban
	<i>(đến ngày 12 tháng 8 năm 2015)</i>
Ông Trần Phước Thái	Thành viên
Ông Ngô Văn Duy Nhất	Thành viên
	<i>(từ ngày 12 tháng 8 năm 2015)</i>
Bà Đoàn Thị Chín	Thành viên
	<i>(đến ngày 12 tháng 8 năm 2015)</i>

**Trụ sở đăng ký**

Số 71 Lê Lai  
Quận Ngô Quyền  
Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 28-03-2016

11/2016  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG  
K1  
TỰ TỬ



**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600

Fax: +84 4 3946 1601

www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28-03-2016 được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-084/d



Trần Anh Quán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28-03-2016

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2040-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>170.043.297.574</b>	<b>136.657.037.795</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>16.887.751.473</b>	<b>14.127.622.047</b>
Tiền	111		16.887.751.473	14.127.622.047
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>2.364.372.600</b>	<b>2.079.449.600</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		5.648.780.000	5.648.780.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.284.407.400)	(3.569.330.400)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.174.054.889</b>	<b>18.076.914.553</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	16.496.283.449	15.077.190.996
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.014.073.875	2.391.755.316
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	15.381.659.578	7.439.877.443
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(6.919.350.415)	(6.844.049.452)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		201.388.402	12.140.250
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>121.610.930.650</b>	<b>99.622.361.321</b>
Hàng tồn kho	141		123.000.514.046	101.045.473.773
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.389.583.396)	(1.423.112.452)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.006.187.962</b>	<b>2.750.690.274</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	286.515.730	189.608.387
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.719.672.232	2.192.388.415
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(b)	-	368.693.472
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>64.085.471.790</b>	<b>59.564.363.399</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>296.000.000</b>	<b>318.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9	296.000.000	318.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>60.218.326.497</b>	<b>56.843.309.683</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	47.686.154.295	44.311.137.481
Nguyên giá	222		123.716.899.459	131.083.611.646
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.030.745.164)	(86.772.474.165)
Tài sản cố định vô hình	227	13	12.532.172.202	12.532.172.202
Nguyên giá	228		12.532.172.202	12.532.172.202
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.833.461.590</b>	<b>1.612.961.590</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.833.461.590	1.612.961.590
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.737.683.703</b>	<b>790.092.126</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	1.737.683.703	790.092.126
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>234.128.769.364</b>	<b>196.221.401.194</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>113.256.545.610</b>	<b>80.588.758.864</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>112.985.259.895</b>	<b>80.317.473.149</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	59.721.634.346	41.158.318.076
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.527.371.396	3.098.810.779
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(a)	6.976.712.423	4.255.765.252
Phải trả người lao động	314		9.825.374.749	12.101.964.797
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.828.837.612	5.310.815.200
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	605.711.720	457.349.988
Vay ngắn hạn	320	20	21.780.000.000	5.916.339.109
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	5.458.254.250	5.458.254.250
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	3.261.363.399	2.559.855.698
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>271.285.715</b>	<b>271.285.715</b>
Phải trả dài hạn khác	337		271.285.715	271.285.715
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>120.872.223.754</b>	<b>115.632.642.330</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>120.872.223.754</b>	<b>115.632.642.330</b>
Vốn cổ phần	411	24	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	27.648.023.735	24.999.675.631
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.470.812.669	24.879.579.349
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		13.748.448.544	7.223.925.317
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.722.364.125	17.655.654.032
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>234.128.769.364</b>	<b>196.221.401.194</b>

28-03-2016

Người lập:



Vũ Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	439.460.172.707	416.635.534.640
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	7.888.569.387	11.322.699.306
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>431.571.603.320</b>	<b>405.312.835.334</b>
Giá vốn hàng bán	11	29	326.674.119.795	293.793.497.042
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>104.897.483.525</b>	<b>111.519.338.292</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	969.998.642	599.200.109
Chi phí tài chính	22	31	1.542.607.424	174.476.405
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		597.999.981	628.756.220
Chi phí bán hàng	25	32	54.729.713.576	49.760.155.834
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	35.453.359.965	39.022.139.097
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>14.141.801.202</b>	<b>23.161.767.065</b>
Thu nhập khác	31	34	4.925.465.932	6.531.150.838
Chi phí khác	32	35	621.538.027	6.682.206.379
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.303.927.905</b>	<b>(151.055.541)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>18.445.729.107</b>	<b>23.010.711.524</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	4.723.364.982	5.355.057.492
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>13.722.364.125</b>	<b>17.655.654.032</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	2.607	3.531

28 -03- 2016

Người lập:



Vũ Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>18.445.729.107</b>	<b>23.010.711.524</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		7.326.366.192	7.816.962.781
Các khoản dự phòng	03		(243.151.093)	(114.431.252)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do ánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		141.702.355	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.187.099.209)	(615.110.409)
Chi phí lãi vay	06		597.999.981	628.756.220
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>22.081.547.333</b>	<b>30.726.888.864</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(8.659.986.293)	(9.792.535.516)
Biến động hàng tồn kho	10		(21.955.040.273)	(12.757.423.317)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		16.216.213.685	17.618.987.900
Biến động chi phí trả trước	12		(1.044.498.920)	(262.739.360)
			<b>6.638.235.532</b>	<b>25.533.178.571</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(578.816.931)	(628.756.220)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.493.306.960)	(10.251.725.652)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(281.275.000)	(1.481.450.316)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.284.836.641</b>	<b>13.171.246.383</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(10.944.839.121)	(9.324.881.625)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.099.955.322	309.700.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	303.300.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		110.100.002	305.410.409
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.734.783.797)</b>	<b>(8.406.471.216)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		71.465.717.147	43.101.001.730
Tiền trả nợ gốc vay	34		(55.756.873.256)	(48.466.622.684)
Tiền trả cổ tức	36		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>8.208.843.891</b>	<b>(12.865.620.954)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2.758.896.735</b>	<b>(8.100.845.787)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	6	14.127.622.047	22.228.467.834
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.232.691	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>16.887.751.473</b>	<b>14.127.622.047</b>

28 -03- 2016

Người lập:



Vũ Thị Thảo  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Văn Bình  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con.

#### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và công ty con là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất của chủ sở hữu, người sử dụng đất hoặc người thuê đất;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất các mặt hàng của Công ty;
- Sản xuất dầu gan cá và các chế phẩm nang mềm;
- Sản xuất các chế phẩm từ tảo biển: Agar – Alginate; và
- Kinh doanh xăng, dầu, khí đốt và khí hóa lỏng.

#### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### (d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 1 công ty con (1/1/2015: 1 công ty con) như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	31/12/2015 và 1/1/2015	
		Tỷ lệ sở hữu đăng ký	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	Chế biến và bảo quản cá và các sản phẩm từ cá, chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau củ quả, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và các mặt hàng thủy sản, và là đại lý bán hàng, ký gửi	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và công ty con có 796 nhân viên (1/1/2015: 842 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và công ty con và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, nếu có, được trình bày trong thuyết minh 4(r) - Lãi trên cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(iii) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc công ty con thực hiện thanh toán.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(d) Các khoản đầu tư**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 4 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao không được tính đối với quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty và công ty con.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và công ty con và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty và công ty con không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho năm 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (Tài khoản 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Giám đốc Công ty và công ty con tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Công ty và công ty con đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Nếu Công ty và công ty con áp dụng chính sách kế toán về trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo Bộ Luật Lao động và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, nợ phải trả dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ lần lượt tăng 3.071 triệu VND và giảm 2.457 triệu VND (trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 614 triệu VND) (1/1/2015: Nợ phải trả dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối sẽ lần lượt tăng 3.313 triệu VND và giảm 2.584 triệu VND, trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 729 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

***(ii) Doanh thu cho thuê***

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

***(iii) Thu nhập từ tiền lãi***

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm tương ứng 137 VND.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và công ty con là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty và công ty con có các bộ phận phân chia theo vùng địa lý chính như sau:

	Nội địa		Xuất khẩu		Loại trừ		Hợp nhất	
	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	332.631.126.203	316.321.794.567	98.940.477.117	88.991.040.767	-	-	431.571.603.320	405.312.835.334
Doanh thu giữa các bộ phận	33.676.875.243	28.454.791.861	-	-	(33.676.875.243)	(28.454.791.861)	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>366.308.001.446</b>	<b>344.776.586.428</b>	<b>98.940.477.117</b>	<b>88.991.040.767</b>	<b>(33.676.875.243)</b>	<b>(28.454.791.861)</b>	<b>431.571.603.320</b>	<b>405.312.835.334</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>10.747.361.972</b>	<b>20.680.169.188</b>	<b>2.191.335.727</b>	<b>3.628.241.228</b>	<b>1.203.103.503</b>	<b>(1.146.643.351)</b>	<b>14.141.801.202</b>	<b>23.161.767.065</b>
Thu nhập khác	5.165.269.072	6.638.634.792	-	-	(239.803.140)	(107.483.954)	4.925.465.932	6.531.150.838
Chi phí khác	(621.538.027)	(6.682.206.379)	-	-	-	-	(621.538.027)	(6.682.206.379)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.076.964.019)	(4.876.327.965)	(646.400.963)	(478.729.527)	-	-	(4.723.364.982)	(5.355.057.492)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>11.214.128.998</b>	<b>15.760.269.636</b>	<b>1.544.934.764</b>	<b>3.149.511.701</b>	<b>963.300.363</b>	<b>(1.254.127.305)</b>	<b>13.722.364.125</b>	<b>17.655.654.032</b>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Nội địa		Xuất khẩu		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản của bộ phận	207.859.460.243	187.761.891.392	57.438.690.649	56.283.841.511	(31.169.381.528)	(47.824.331.709)	234.128.769.364	196.221.401.194
Nợ phải trả của bộ phận	84.810.837.827	67.311.109.427	42.988.634.084	43.512.225.556	(14.542.926.301)	(30.234.576.119)	113.256.545.610	80.588.758.864
	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Chi phí vốn	9.872.937.132	6.697.245.546	1.071.901.989	2.627.636.079	-	-	10.944.839.121	9.324.881.625
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	6.007.602.905	6.533.861.724	1.318.763.287	1.283.101.057	-	-	7.326.366.192	7.816.962.781

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	834.286.759	461.351.174
Tiền gửi ngân hàng	16.053.464.714	13.666.270.873
	<b>16.887.751.473</b>	<b>14.127.622.047</b>



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015				1/1/2015 – Đã phân loại lại			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu								
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân Đội	96.701	3.142.610.000	1.460.185.100	1.682.424.900	96.701	3.142.610.000	1.266.783.100	1.875.826.900
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	95.093	2.506.170.000	904.187.500	1.601.982.500	82.411	2.506.170.000	812.666.500	1.693.503.500
		5.648.780.000	2.364.372.600	3.284.407.400		5.648.780.000	2.079.449.600	3.569.330.400

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa của cổ phiếu được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Delina GmbH	-	1.610.595.522
Công ty TNHH Dịch vụ EB	1.526.183.717	2.075.073.562
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	1.349.988.111	960.497.180
Otto Franck Import KG	5.262.627.535	-
Các khách hàng khác	8.357.484.086	10.431.024.732
	16.496.283.449	15.077.190.996

**9. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Bảo hiểm xã hội	74.781.887	164.488.800
Tạm ứng và phải thu người lao động	742.775.160	1.483.498.029
Phải thu từ các cá nhân (*)	5.458.254.250	5.458.254.250
Phải thu Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long về cho vay hàng tồn kho	4.938.595.200	-
Ký cược, ký quỹ	3.105.040.878	10.000.000
Phải thu khác	1.062.212.203	323.636.364
	15.381.659.578	7.439.877.443

(\*) Phải thu từ các cá nhân về thuế giá trị gia tăng phải nộp Nhà nước trị giá 5.458.254.250 VND đã được ghi nhận phù hợp với bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Ký cược, ký quỹ	296.000.000	318.000.000

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	31/12/2015			Số ngày quá hạn	1/1/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Nhất Nam	6 tháng - 1 năm	251.003.209	75.300.963	175.702.246	-	-	-	-
Phải thu từ các cá nhân cho phần thuế giá trị gia tăng	Trên 10 năm	5.458.254.250	5.458.254.250	-	Trên 10 năm	5.458.254.250	5.458.254.250	-
Khác	Trên 4 năm	1.385.795.202	1.385.795.202	-	Trên 3 năm	1.385.795.202	1.385.795.202	-
		<u>7.095.052.661</u>	<u>6.919.350.415</u>	<u>175.702.246</u>		<u>6.844.049.452</u>	<u>6.844.049.452</u>	<u>-</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	<u>6.919.350.415</u>	<u>6.844.049.452</u>
--------------------------------------	----------------------	----------------------

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trình lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	398.197.800	-	686.430.073	-
Nguyên vật liệu	70.653.592.624	(902.095.480)	42.070.257.973	(896.556.304)
Công cụ và dụng cụ	248.148.549	-	139.364.982	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.123.772.568	(82.832.291)	21.429.994.898	(208.683.812)
Thành phẩm	33.576.802.505	(404.655.625)	34.512.790.561	(317.872.336)
Hàng gửi đi bán	-	-	2.206.635.286	-
	<b>123.000.514.046</b>	<b>(1.389.583.396)</b>	<b>101.045.473.773</b>	<b>(1.423.112.452)</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 3.153 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2015: 3.622 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 778 triệu VND (1/1/2015: 628 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển khó tiêu thụ được. Những lô hàng này đã quá hạn hoặc gần hết hạn sử dụng, Công ty sẽ hủy các lô hàng này khi quá hạn.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	52.136.769.360	69.460.842.937	7.149.148.329	2.336.851.020	131.083.611.646
Tăng trong năm	-	9.952.688.544	-	-	9.952.688.544
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	-	771.650.577	-	-	771.650.577
Thanh lý	(759.116.491)	(16.303.772.884)	(1.028.161.933)	-	(18.091.051.308)
Số dư cuối năm	51.377.652.869	63.881.409.174	6.120.986.396	2.336.851.020	123.716.899.459
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	29.383.436.821	49.986.433.478	5.600.011.809	1.802.592.057	86.772.474.165
Khấu hao trong năm	2.564.474.222	3.921.700.152	513.703.290	326.488.528	7.326.366.192
Thanh lý	(736.160.376)	(16.303.772.884)	(1.028.161.933)	-	(18.068.095.193)
Số dư cuối năm	31.211.750.667	37.604.360.746	5.085.553.166	2.129.080.585	76.030.745.164
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	22.753.332.539	19.474.409.459	1.549.136.520	534.258.963	44.311.137.481
Số dư cuối năm	20.165.902.202	26.277.048.428	1.035.433.230	207.770.435	47.686.154.295

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 44.063 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 49.372 triệu VND).

Giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7 triệu VND (1/1/2015: Không).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 13.636 triệu VND (1/1/2015: 14.358 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và công ty con.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định vô hình có giá trị là 11.259 triệu VND (1/1/2015: 11.259 triệu VND) được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Số dư đầu năm	1.612.961.590	1.392.461.590
Tăng trong năm	992.150.577	5.865.830.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(771.650.577)	(5.645.330.000)
Số dư cuối năm	<u>1.833.461.590</u>	<u>1.612.961.590</u>

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện cơ sở hạ tầng được phát triển với mục đích cho thuê trong tương lai.

**15. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	5.763.970	155.993.387
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	280.751.760	33.615.000
	<u>286.515.730</u>	<u>189.608.387</u>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>
Số dư đầu năm	790.092.126
Tăng trong năm	2.579.123.865
Thanh lý trong năm	(88.102.940)
Phân bổ trong năm	(1.543.429.348)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.737.683.703
	<hr/>

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	8.147.448.150	8.147.448.150	5.802.567.910	5.802.567.910
Công ty TNHH Brenntag Việt Nam	866.745.550	866.745.550	2.878.199.203	2.878.199.203
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Bào Quang	3.913.838.500	3.913.838.500	-	-
Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu	11.538.947.255	11.538.947.255	7.742.501.184	7.742.501.184
Các nhà cung cấp khác	35.254.654.891	35.254.654.891	24.735.049.779	24.735.049.779
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	59.721.634.346	59.721.634.346	41.158.318.076	41.158.318.076
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thực phẩm Hạ Long	6.202.956.702	6.202.956.702	472.500.000	472.500.000
Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu	4.526.562.425	4.526.562.425	808.503.267	808.503.267
Công ty TNHH Xuân Việt	3.501.488.551	3.501.488.551	1.459.357.091	1.459.357.091
Công ty TNHH San Hà	2.788.240.000	2.788.240.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	8.712.642.691	8.712.642.691	3.798.590.562	3.798.590.562
	<b>25.731.890.369</b>	<b>25.731.890.369</b>	<b>6.538.950.920</b>	<b>6.538.950.920</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/Bù trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.965.268.839	36.904.297.944	(37.121.778.667)	1.747.788.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.173.442.223	4.723.364.982	(4.862.000.432)	1.034.806.773
Thuế thu nhập cá nhân	658.561.317	1.146.733.020	(1.155.541.365)	649.752.972
Thuế nhà đất	109.293.314	109.293.314	(109.293.314)	109.293.314
Tiền thuê đất	349.199.559	3.385.871.689	(300.000.000)	3.435.071.248
Thuế xuất nhập khẩu	-	130.507.942	(130.507.942)	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
	<b>4.255.765.252</b>	<b>46.409.068.891</b>	<b>(43.688.121.720)</b>	<b>6.976.712.423</b>

**(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được bù trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	368.693.472	-	(368.693.472)	-

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả chi phí tiếp thị và quảng cáo	44.752.773	1.936.275.713
Phải trả chi phí điện, nước và tiện ích khác	182.417.076	1.086.578.051
Phải trả chi phí hỗ trợ nhà phân phối	1.715.519.297	796.231.402
Phải trả chi phí lãi vay	19.183.050	-
Các khoản trích trước khác	866.965.416	1.491.730.034
	<b>2.828.837.612</b>	<b>5.310.815.200</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	227.514.224	100.065.428
Bảo hiểm xã hội	79.514.497	113.443.463
Tài sản thừa chờ giải quyết	191.363.501	30.321.399
Các khoản phải trả, phải nộp khác	107.319.498	213.519.698
	<b>605.711.720</b>	<b>457.349.988</b>

**20. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2015</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2015</b>
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	5.916.339.109	71.465.717.147	(55.602.056.256)	21.780.000.000

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty và công ty con có khả năng thanh toán toàn bộ các khoản vay này khi đến hạn.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	3%	21.780.000.000	-
Khoản vay từ Indovinabank – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	3-3,25%	-	5.916.339.109
			21.780.000.000	5.916.339.109

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 13.636 triệu VND (1/1/2015: 14.358 triệu VND) và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty với giá trị là 11.259 triệu VND (Thuyết minh 12 và thuyết minh 13).

## 21. Các khoản dự phòng

Khoản tiền 5.458.254.250 VND phản ánh khoản dự phòng cho thuế giá trị gia tăng phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005. Công ty có nghĩa vụ phải nộp khoản thuế này vào Ngân sách Nhà nước khi thu được tiền từ các cá nhân. Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn chưa thu được khoản này từ các cá nhân.

## 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Số dư đầu năm	2.559.855.698	2.278.859.343
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 23)	882.782.701	636.853.991
Sử dụng trong năm	(181.275.000)	(355.857.636)
Số dư cuối năm	3.261.363.399	2.559.855.698

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	12.232.663.256	10.856.450.403	17.911.341.280	106.753.842.289
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	17.655.654.032	17.655.654.032
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.273.707.981	636.853.991	(1.910.561.972)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(636.853.991)	(636.853.991)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	-	-	-	-	(640.000.000)	(640.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 - đã báo cáo trước đây</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	13.506.371.237	11.493.304.394	24.879.579.349	115.632.642.330
<i>Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 (Thuyết minh 40)</i>	-	-	11.493.304.394	(11.493.304.394)	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã phân loại lại</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	24.999.675.631	-	24.879.579.349	115.632.642.330
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	13.722.364.125	13.722.364.125
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.648.348.104	-	(2.648.348.104)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(882.782.701)	(882.782.701)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	50.000.000.000	15.753.387.350	27.648.023.735	-	27.470.812.669	120.872.223.754

## Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

## 25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 10 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

Trong năm trước, ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu).

## 26. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

### Quỹ đầu tư và phát triển

Theo Điều lệ công ty và cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 10 tháng 4 năm 2015, cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 10% từ lợi nhuận thuần sau thuế hợp nhất (1.766 triệu VND) vào Quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai, đồng thời trích lập 5% từ lợi nhuận thuần sau thuế hợp nhất (882 triệu VND) vào Quỹ dự phòng tài chính. Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp quy định doanh nghiệp không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính và toàn bộ số dư đầu kỳ của Quỹ dự phòng tài chính sẽ được chuyển vào Quỹ đầu tư phát triển. Do đó, khoản trích lập Quỹ dự phòng tài chính ứng với 5% trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế hợp nhất trong năm 2015 đang được ghi tăng Quỹ đầu tư phát triển.

Ngày 25 tháng 4 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập 1.274 triệu VND vào Quỹ đầu tư phát triển và 637 triệu VND vào Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần năm 2013.



**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	250.750.000	1.210.200.000

---

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	9.463	209.180.101	4.563	110.329.994

---

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	13.456.072.727	7.990.000.000

---

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	431.607.314.505	415.707.238.032
▪ Doanh thu cho thuê	846.563.845	928.296.608
▪ Doanh thu bán vật tư, phế liệu	6.406.852.484	-
▪ Khác	599.441.873	-
	<hr/>	<hr/>
	439.460.172.707	416.635.534.640
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(7.649.126.967)	(11.139.536.508)
▪ Hàng bán bị trả lại	(239.442.420)	(183.162.798)
	<hr/>	<hr/>
	(7.888.569.387)	(11.322.699.306)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	431.571.603.320	405.312.835.334
	<hr/>	<hr/>

**29. Giá vốn hàng bán**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Thành phẩm đã bán	319.183.029.759	292.960.468.853
▪ Giá vốn cho thuê	40.183.528	306.472.041
▪ Giá vốn vật tư, phế liệu	6.349.122.876	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(33.529.056)	526.556.148
▪ Khác	1.135.312.688	-
	<hr/>	<hr/>
	326.674.119.795	293.793.497.042
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	60.299.002	204.879.009
Cổ tức được chia	49.801.000	100.531.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	859.898.640	293.789.700
	969.998.642	599.200.109
	969.998.642	599.200.109

**31. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	597.999.981	628.756.220
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(284.923.000)	(640.987.400)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.084.682.119	186.707.585
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	141.702.355	-
Chi phí tài chính khác	3.145.969	-
	1.542.607.424	174.476.405
	1.542.607.424	174.476.405

**32. Chi phí bán hàng**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	30.391.376.376	23.995.205.849
Chi phí khấu hao	291.950.201	981.607.932
Chi phí vận chuyển	9.981.580.223	8.525.596.718
Chi phí hoa hồng bán hàng	8.383.543.931	3.581.670.096
Chi phí dịch vụ thuê ngoài khác	3.415.441.057	11.302.741.653
Chi phí khác	2.265.821.788	1.373.333.586
	54.729.713.576	49.760.155.834
	54.729.713.576	49.760.155.834

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	15.544.017.646	21.171.895.981
Chi phí khấu hao	1.428.044.338	2.042.209.293
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	7.007.739.256	5.952.515.173
Thuê, phí và lệ phí	3.646.673.187	1.739.858.362
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	75.300.963	-
Chi phí khác	7.751.584.575	8.115.660.288
	<hr/> 35.453.359.965	<hr/> 39.022.139.097

**34. Thu nhập khác**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	4.076.999.207	309.700.000
Thu từ bán công cụ, dụng cụ	206.859.593	198.066.621
Bán phế liệu	-	5.699.186.420
Bồi thường nhận được từ các bên khác	-	64.939.000
Thu nhập khác	641.607.132	259.258.797
	<hr/> 4.925.465.932	<hr/> 6.531.150.838

**35. Chi phí khác**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Giá trị của các công cụ, dụng cụ đã thanh lý	-	27.613.105
Giá vốn phế liệu	363.492.975	5.699.186.420
Các khoản bị phạt	22.000.000	-
Chi phí khác	236.045.052	955.406.854
	<hr/> 621.538.027	<hr/> 6.682.206.379

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	268.074.726.916	270.765.996.723
Chi phí nhân viên	77.569.125.253	74.277.086.078
Chi phí khấu hao	7.326.366.192	7.816.962.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.198.770.945	30.619.729.238
Chi phí khác	27.430.507.019	14.042.473.221

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2015 VND	2014 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	4.405.161.210	5.355.057.492
Dự phòng thiếu trong những năm trước	318.203.772	-
	4.723.364.982	5.355.057.492

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.445.729.107	23.010.711.524
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.058.060.404	5.062.356.535
Chi phí không được khấu trừ thuế	569.983.106	538.789.179
Thu nhập không bị tính thuế	(10.956.220)	(22.116.908)
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(499.879.321)
Ảnh hưởng do loại trừ khi hợp nhất	(211.926.080)	275.908.007
Dự phòng thiếu trong những năm trước	318.203.772	-
	4.723.364.982	5.355.057.492

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (2014: 22%). Thuế suất thuế thu nhập sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**38. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất, tương đương 13.036.245.919 VND (2014: 17.655.654.032 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 5.000.000 cổ phiếu (2014: 5.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	13.722.364.125	17.655.654.032
Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(686.118.206)	-
	13.036.245.919	17.655.654.032

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

**39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	2.449.999.996	2.345.366.180
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	2.443.549.679	2.178.437.196

**Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty và công ty con áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<b>1/1/2015</b> <b>(phân loại lại)</b>	<b>1/1/2015</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chứng khoán kinh doanh	5.648.780.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	5.648.780.000
Phải thu ngắn hạn khác	7.439.877.443	6.800.020.894
Tài sản thiếu chờ xử lý	12.140.250	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	651.996.799
Phải thu dài hạn khác	318.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	318.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	11.493.304.394
Quỹ đầu tư phát triển	24.999.675.631	13.506.371.237

**28 -03- 2016**

Người lập:

Vũ Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Bình  
Tổng Giám đốc